

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:174/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 14-11-2019

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hồng Lam

Bà Phạm Thị Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Nguyễn Mai Thanh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2019/TLPT- HNGĐ ngày 08/10/2019 về *“Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2019/QĐXXPT- HNGĐ ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đào L T** - Sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 2, ngõ 222, ngách 16 hẻm 5 K T, quận Đ , thành phố HN.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đ Th** - Sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ngách 63/2121/14 L, phường MĐ 2, quận N, thành phố HN;

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về hôn nhân: Chị Đào LT và anh Nguyễn Đ Th kết hôn vào ngày 28/3/1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hiểu và chia sẻ cùng nhau, không có sự tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T xét thấy không còn tình cảm với anh Th nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th để chị ổn định cuộc sống.

Tòa án nhân dân quận N đã thụ lý giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý với điều kiện chị T thanh toán cho anh 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) trong số tiền 300.000.000 đồng mà vợ chồng anh đã cho chị Phạm Thị T H vay.

Về con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là Nguyễn T A, sinh ngày 09/10/1991 và cháu Nguyễn B D, sinh ngày 12/12/1996. Cả hai con chung đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh Th không có tài sản chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

- Chị T và anh Th thống nhất trình bày: Vào ngày 12/2/2015 vợ chồng chị có cho chị Phạm Thị T H , sinh năm 1977 (Địa chỉ: Số 55, Ngõ 245 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội) vay tiền số 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng. Hiện nay chị H không còn ở địa chỉ trên và chị cũng không biết chị H hiện nay đang ở đâu, làm gì? Việc anh Th đề nghị chị thanh toán số tiền: 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng thì chị không đồng ý vì chị không nợ nần gì với anh Th.

Nay ly hôn, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về số tiền nợ chung trên. Anh Th đề nghị chị T thanh toán cho anh Th một nửa số tiền trên là: 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*).

Tại Bản án số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 24/7/2019, Tòa án nhân dân quận N quyết định: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35 , điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào LT được ly hôn với anh Nguyễn Đ Th.
2. Về con chung: Cháu Nguyễn T A, sinh ngày 09/10/1991 và cháu Nguyễn B D, sinh ngày 12/12/1996. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị T và anh Th không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung: Anh Th có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí: Chị Đào LT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 8491 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, nay chuyển thành án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 02/8/2019, anh Nguyễn Đ Th làm Đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 24/7/2019 và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh và chị T với số tiền cho chị Phạm Thị T H vay nợ là 300.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Đ Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thời hạn xét xử và tố tụng tại phiên tòa, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Th không được chấp nhận nên anh Th phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đ Th là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định.

Chị Đào LT vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T là có căn cứ theo quy định của Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Th bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tại số 2, ngõ 222 Lê Duẩn vì cho rằng đây là nhà đất thuộc tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Th không cung cấp được giấy tờ gì liên quan đến khối tài sản này. Trong quá trình xét xử sơ thẩm anh Th và chị T đều thừa nhận hai vợ chồng không có tài sản chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung bổ sung yêu cầu kháng cáo của anh Th không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự nên không chấp nhận xem xét nội dung bổ sung này.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đào LT và anh Nguyễn Đ Th kết hôn vào ngày 28/3/1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Chị T và anh Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Th nhất trí.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào LT và cho chị T ly hôn anh Th là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:*

Chị T và anh Th không có tài sản chung và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ngày 12/2/2015, chị T và anh Th có cho chị Phạm Thị T H , sinh năm 1977 (Địa chỉ: Số 55, Ngõ 245 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội) vay số tiền 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng. Hiện nay chị H không còn ở địa chỉ trên. Anh Th đề nghị chị T thanh toán cho anh Th một nửa số tiền chị H nợ vợ chồng anh chị là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu*) thì chị T không đồng ý với lý do chị không phải là người nợ anh Th, cũng không có thỏa thuận trả nợ thay chị Hà.

Nay ly hôn, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết về số tiền nợ chung trên.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả anh Th và chị T đều thừa nhận có cho chị H vay 300.000.000 đồng. Đây là khoản tiền chung của 2 vợ chồng cho chị H vay. Tuy nhiên, hiện nay cả chị T và anh Th đều không cung cấp được cho Tòa án địa chỉ của người vay nợ là chị Phạm Thị T H , và đều khẳng định không biết thông tin gì về địa chỉ nơi ở của chị Hà.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tại Công An phường Xuân La về địa chỉ nơi cư trú của chị Phạm Thị T H và được cung cấp: Tại địa chỉ số 55, ngõ 445 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội không có ai tên là Phạm Thị T H cư trú, sinh sống. chị H không tạm trú và đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ trên.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định dành quyền khởi kiện đối với yêu cầu đòi nợ của anh Th bằng một vụ kiện dân sự khác là có căn cứ, đúng pháp luật và không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Th.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Đ Th không có cơ sở chấp nhận nên anh Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đắc Th. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào LT được ly hôn với anh Nguyễn Đắc Th.

2. Về con chung: Xác định chị Đào LT và anh Nguyễn Đ Th có 2 con chung là: cháu Nguyễn T A, sinh ngày 09/10/1991 và cháu Nguyễn B D, sinh ngày 12/12/1996. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Th không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Th có quyền khởi kiện yêu cầu đòi nợ chị Phạm Thị T H bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Đào LT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 8491 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N .

Anh Nguyễn Đ Th phải chịu phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008688 ngày 08/8/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận N, thành phố HN. Anh Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND thành phố HN;
- TAND quận N
- THADS Quận N ;
- Các đương sự;
- UBND phường VC, quận Đ, HN
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lê Na